

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 16-7-2019

“V/v tranh chấp tài sản sau ly hôn
và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy Thuấn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Anh Tuấn.

2. Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLPT - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp tài sản sau ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con”. Do bản án sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ - ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện KN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXX-PT ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh 1979. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã CN, huyện EK, tỉnh Đắc Lắc.

- Bị đơn: Anh Hà Văn L, sinh năm 1977. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn XT, xã EĐ, huyện KN, tỉnh Đắc Lắc.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lò Thị T, sinh năm 1934.

2. Bà Hà Thị M, sinh năm 1959.

3. Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1973.

4. Ông Hà Văn Q, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Thôn XT, xã EĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

5. Chị Hà Thị Minh A, sinh năm 2000. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã CN, huyện EK, tỉnh Đắk Lắk.

6. Bà Lương Thị P, sinh năm 1976 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn XT, xã EĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Hoàng Thị G và chị Hà Thị Minh A: Ông Nguyễn Tiến N, cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Hà Văn L: Ông Phùng Văn Q là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lò Thị T, bà Hà Thị M, bà Hà Thị Đ, ông Hà Văn Q: Ông Hồ Ngọc S cộng tác viên trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

* Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Hoàng Thị G

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày:**

Chị và anh Hà Văn L kết hôn với năm 1998, vợ chồng có 03 con chung là Hà Thị Minh A, Hà Thị B, cháu Hà Thị C. Đến ngày 10/7/2017 được Tòa án nhân dân huyện EK giải quyết ly hôn theo quyết định thuận tình ly hôn số 154/2017/QĐST-HNGĐ. Về con, cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận phân chia. Sau đó do không thống nhất được với nhau về phân chia tài sản chung và điều kiện sống khó khăn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung và phân chia tài sản chung cho chị.

Tại phiên tòa, chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu Hà Thị C, sinh ngày 20/10/2006 theo quy định của pháp luật.

Về phân chia tài sản chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh L có khối tài sản chung là 01 lô đất diện tích 3.786,8 m², tọa lạc tại thôn XT, xã EĐ, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, nguồn gốc lô đất là của bà Lò Thị T (Mẹ anh Hà Văn L) tặng cho năm 2004. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện

tích khoảng 24m², do Nhà nước hỗ trợ để xây dựng năm 2005 và 35 điều, ngoài ra còn có các vật dụng trong gia đình gồm 01 xe máy; 01 ti vi; 01 tủ lạnh.

Chị đồng ý giao toàn bộ tài sản là đất + tài sản trên đất cho anh L quản lý sử dụng, yêu cầu anh L phải thanh toán cho chị $\frac{1}{2}$ trị giá tài sản theo giá mà hội đồng đã định giá. Đối với vật dụng trong gia đình gồm 01 xe máy; 01 ti vi; 01 tủ lạnh chị không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Hà Văn L trình bày:**

Công nhận lời trình bày của chị G về phần quan hệ hôn nhân và con chung là đúng, anh không bổ sung gì. Nay chị G yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung là cháu C thì anh không đồng ý vì vấn đề con chung đã được Tòa án nhân dân huyện EK, tỉnh Đắk Lắk giải quyết, trường hợp các con về ở với anh thì anh sẽ nuôi và không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung của chị G thì anh không đồng ý vì anh và chị G chỉ có tài sản chung là 01 xe máy; 01 ti vi; 01 tủ lạnh chị G. Đối với lô đất diện tích 3.786,8 m² thì năm 2004 bà T tặng cho riêng anh, hiện lô đất chưa được cấp giấy CNQSD đất. Đối với tài sản trên đất là 01 căn nhà diện tích 24m² là do Nhà nước tặng cho anh và mẹ anh năm 2005 theo diện 134 nên không đồng ý chia cho chị G. Đối với 35 cây điều do vợ chồng anh tự trồng thì hiện đã già cỗi không còn giá trị sử dụng nên anh đồng ý chia cho chị G và chị G tự về thanh lý cây điều, anh không đồng ý thanh toán tiền chênh lệch cho chị G. Các vật dụng trong gia đình gồm 01 xe máy; 01 ti vi; 01 tủ lạnh thì đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tháng 02/2018, anh và bà T có tặng cho chị Lương Thị P diện tích ngang 5m, dài hết lô đất (Nằm trong diện tích 3.786,8 m²) để làm nhà, hiện chị P đã xây nhà và sinh sống ổn định nên anh tiếp tục đồng ý cho chị P ở và không có yêu cầu gì đối với chị P.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T trình bày:**

Về vấn đề hôn nhân, con chung giữa anh L và chị G thì bà không có ý kiến gì. Đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là lô đất 3.786,8 m² thì bà không đồng ý vì lô đất này do gia đình khai hoang năm 1994. Sau khi các con lớn có gia đình riêng thì bà ở chung với con út là Hà Văn L đến năm 1998 anh Hà Văn L cưới vợ sau đó gia đình bà thống nhất tặng cho riêng anh L lô đất. Do đó bà không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của chị G.

Ngoài ra tháng 02/2018, bà và anh L có tặng cho chị Lương Thị P diện tích ngang 5m, dài hết lô đất (Nằm trong diện tích 3.786,8 m²) để làm nhà, hiện chị P đã xây nhà và sinh sống ổn định do đó bà vẫn đồng ý cho chị P ở và không có yêu cầu gì.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị P trình bày:**

Tháng 02/2018, bà T và anh L tự nguyện tặng cho bà diện tích 5m, dài hết lô đất (Nằm trong diện tích 3.786,8 m²) để xây nhà ở. Hiện bà đã xây nhà và sinh sống ổn định. Nay chị G có yêu cầu phân chia lô đất 3.786,8 m² thì bà đã có đơn khởi kiện độc lập đối với anh L, chị G. Sau đó giữa các bên đã thỏa thuận được nên bà đã rút đơn yêu cầu khởi kiện độc lập đối với anh L, chị G, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn Q, bà Hà Thị M, bà Hà Thị Đ trình bày:**

Ông, bà xác định lô đất đang tranh chấp giữa chị G và anh L có nguồn gốc do bà T khai hoang năm 1994, hiện đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó năm 2005 bà T và các ông bà họp gia đình thống nhất tặng cho riêng anh L vì anh L có nghĩa vụ nuôi dưỡng bà T. Nay chị G yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ diện tích đất trên thì các ông bà đều không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Minh A trình bày:**

Chị là con gái của ông L, bà G. Đối với tài sản giữa bố và mẹ đang tranh chấp thì chị không có công sức đóng góp gì trong việc tạo dựng khối tài sản chung và không có yêu cầu gì về tài sản chung của bố mẹ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mẹ và bố.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Minh A trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn, phân chia cho nguyên đơn $\frac{1}{2}$ trị giá quyền sử dụng đất + tài sản trên đất vì lô đất 3.786,8 m² được nhận tặng cho trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung. Đối với yêu cầu cấp dưỡng thì đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn vì lô đất 3.786,8

m² là của riêng bị đơn, được nhận tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân và bị đơn không nhập tài sản này vào khối tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T, bà Hà Thị M, ông Hà Văn Q, bà Hà Thị Đ có ý kiến: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn vì tài sản là lô đất 3.786,8 m² là hộ gia đình bà T, do hộ gia đình bà T khai hoang nên được xem là di sản thừa kế nên không được chia.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện KN, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33; Điều 43, Điều 59, 82, 83, Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 213; Điều 219; Điều 220 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị G về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và phân chia tài sản chung.

[1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hà Văn L phải trợ cấp nuôi con đối với cháu Hà Thị C, sinh ngày 20/10/2006 cho chị Hoàng Thị G 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C đến tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi)

[2] Về chia tài sản chung:

Tạm giao cho anh Hà Văn L được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 3.786,8 m², + tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 24m² điều tọa lạc tại thôn XT, xã EĐ tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 (Đất đã đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp giấy CNQSD đất), có tứ cận: Đông giáp đất bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn U, tây giáp đất ông Hà Văn K, nam giáp đường liên thôn, bắc giáp đất ông Nguyễn Văn V. Tổng trị giá đất + tài sản trên đất là: 136.230.122 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ngàn một trăm hai mươi hai đồng).

Anh Hà Văn L phải thanh toán cho chị Hoàng Thị G phần giá trị tài sản chị G được chia là số tiền 13.206.461 đồng.

Tổng giá trị tài sản thực tế anh Hà Văn L được hưởng là 123.023.661 đồng.

Chị Hoàng Thị G được quyền sở hữu, sử dụng số tiền 13.206.461 đồng là tiền chênh lệch tài sản do anh Hà Văn L thanh toán lại.

Anh Hà Văn L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục đăng ký kê khai để đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phát sinh trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có yêu cầu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lương Thị P về việc yêu cầu giải quyết số tiền 76.020.000 đồng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản, tiền án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 11/3/2019 nguyên đơn chị Hoàng Thị G kháng cáo một phần bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện KN với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia cho chị G 1/3 giá trị quyền sử dụng đất của thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 có diện tích 3.786,8 m².

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Hoàng Thị G giữ nguyên nội dung khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Minh A trình bày: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị G chia cho nguyên đơn 1/3 trị giá quyền sử dụng đất + tài sản trên diện tích đất 3.786,8 m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn vì lô đất 3.786,8 m² là của riêng bị đơn, được nhận tặng cho riêng trong thời kỳ hôn nhân và bị đơn không nhập tài sản này vào khối tài sản chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị T, bà Hà Thị M, ông Hà Văn Q, bà Hà Thị Đ có ý kiến: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn vì đây là di sản thừa kế chưa có sự phân chia trong gia đình.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận đơn kháng cáo của bà G công nhận quyền sử dụng đất 3.786,8 m² là tài sản chung của ông L bà G và tính công sức đóng góp, duy trì, tôn tạo tài sản cho bà G. Ông L có nghĩa vụ thanh toán cho bà G 1/3 tổng giá trị đất và tài sản là 136.2303122đồng : 3 = 45.410.040đồng.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị G – Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện KN.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có lưu trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

Xét nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị G. Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về nguồn gốc lô đất có diện tích 3.786,8 m² tại thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 do bà T khai hoang năm 1994, năm 2004 bà Lò Thị T tặng cho anh Hà Văn L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T, anh L, chị G đều xác nhận năm 2004 bà T tặng cho riêng anh L lô đất này.

Chị G cho rằng sau khi bà T tặng cho riêng anh L anh L đã nhập tài sản riêng vào tài sản chung của hai vợ chồng thể hiện ở việc hai vợ chồng cùng nhau cải tạo canh tác trên diện tích đất trên và đến năm 2014 chị G đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, Ủy ban nhân dân xã đã xác nhận thửa đất đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. HĐXX xét thấy, đối với hồ sơ đăng ký kê khai do chị G cung cấp cả anh L, chị G xác nhận chữ viết, chữ ký trong hồ sơ là của chị G, thời gian đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận lô đất này anh L đi làm ăn xa nên anh không biết việc chị G đi kê khai.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm anh L xác nhận anh không nhập khối tài sản riêng này vào khối tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tại giấy chia tài sản chung ngày 06/9/2016 và giấy tặng cho đất ngày 17/9/2016 thể hiện nội dung sau khi anh L và chị G ly hôn anh L tặng cho các con chung của

anh L và chị G $\frac{1}{2}$ lô đất. Tại các văn bản trên cả anh L và chị G đều xác nhận anh L là chủ đất, là người sang nhượng và là người cho tặng. Tại cấp phúc thẩm chị G cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh anh L đã tự nguyện nhập khối tài sản này vào tài sản chung của vợ chồng. Do đó không có căn cứ để xác định đây là tài sản chung của hai vợ chồng. Cấp sơ thẩm xác định đây là tài sản riêng của anh L là có căn cứ.

Tuy nhiên, sau khi chị G đăng ký kết hôn và về chung sống với anh L từ năm 1998 đến năm 2014 đã cùng với anh L canh tác trên diện tích đất trên nên anh L cần thanh toán thêm cho chị G một phần công sức trong việc duy trì, tôn tạo, phát triển tài sản tương đương với số tiền 10.000.000đồng. Như vậy, anh L phải thanh toán cho chị G tổng cộng số tiền 23.197.461đồng. Tại phần nhận định của bản án sơ thẩm không thể hiện giá trị các tài sản theo như biên bản định giá tài sản là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

Từ những phân tích trên, HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của chị Hoàng Thị G – Sửa bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 03/2019/HNGĐ-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện KN.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị G – sửa bản án sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 27/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện KN Áp dụng khoản 1, 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 217; khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33; Điều 43, Điều 59, 82, 83, Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 213; Điều 219; Điều 220 Bộ luật dân sự 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị G về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung và phân chia tài sản chung.

[1] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hà Văn L phải trợ cấp nuôi con đối với cháu Hà Thị C, sinh ngày 20/10/2006 cho chị Hoàng Thị G 700.000 đồng/tháng cho đến khi cháu C trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

[2] Về chia tài sản chung: Diện tích đất 3.786,8 m² thửa đất số 25, tờ bản đồ số 42 là tài sản riêng thuộc quyền quản lý, sử dụng, định đoạt của anh L. Lô đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất bà Phạm Thị X, ông Phạm Văn U;

Phía tây giáp đất ông Hà Văn K; Phía nam giáp đường liên thôn;
Phía bắc giáp đất ông Nguyễn Văn V.

Giao cho anh L toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất trên gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 24m² và 35 cây điều loại B trồng năm 2014.

Tổng trị giá tài sản thực tế anh L được nhận là 136.230.122 đồng (Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm ba mươi ngàn một trăm hai mươi hai đồng).

Anh Hà Văn L có trách nhiệm thanh toán cho chị Hoàng Thị G ½ giá trị các tài sản trên đất 13.206.461 đồng và 10.000.000 đồng tiền công sức trong việc duy trì, phát triển tài sản. Tổng cộng 23.206.461 đồng (Hai mươi ba triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng bốn trăm sáu mươi một đồng).

Anh Hà Văn L có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục đăng ký kê khai để đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất phát sinh trong giai đoạn thi hành án khi đương sự có yêu cầu.

[3] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện độc lập của bà Lương Thị P về việc yêu cầu giải quyết số tiền 76.020.000 đồng.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản: Anh Hà Văn L phải nộp 2.100.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản. Hoàn trả lại cho chị Hoàng Thị G số tiền 2.100.000 đồng chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản sau khi thu được của ông Hà Văn L.

[5] Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Căn cứ điểm đ, khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án anh Hà Văn L và chị Hoàng Thị G được miễn toàn bộ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện KN
- TAND huyện KN;
- Chi cục THADS huyện KN;
- Đương sự;
- L hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Duy Thuấn